

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA QTKD

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP		
Mã học phần:	71FIN30033	Số tin chỉ:	03
Mã nhóm lớp học phần:	71FIN30033_01 và 71FIN30033_02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	90	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/P I
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Giải thích và minh họa được các vấn đề của tổng quan tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, tổ chức tài chính; các khái niệm cơ bản về quản lý tài chính như báo cáo tài chính, dòng tiền, thuế, phân tích báo cáo tài chính, giá trị thời gian của tiền tệ, lãi suất, tài sản tài chính và hiệu quả dự án vốn	Trắc nghiệm	30%	Câu 3,4,5,9,10,14 ,15,19,20,24, 25,29	3 điểm(0.25 điểm/câu)	PI 3.1,A
CLO 2	Vận dụng kiến thức về phân tích báo cáo tài chính, chiết khấu dòng tiền, lãi suất, trái phiếu, cổ phiếu để đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp; định giá, đánh giá rủi ro các tài sản tài chính; tính toán cơ cấu chi phí vốn tài trợ dự án, doanh nghiệp và đánh giá được hiệu quả đầu tư vốn dài hạn	Trắc nghiệm + Tự luận	70%	Trắc nghiệm: câu 1,2,6,7,8,11, 12,13,16,17, 18,21,22,23, 26,27,28,30 và câu tự luận	4.5 điểm trắc nghiệm (0.25 điểm/câu) và 2.5 điểm tự luận (0.5 điểm /nội dung hỏi)	PI3.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học

phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (30 câu; 7.5 ĐIỂM)

1. Cổ phiếu của công ty RIT có tỷ suất sinh lợi mong muốn là 11%, lãi suất phi rủi ro là 3.5 % và phần bù rủi ro thị trường là 4.5%. Bây giờ, giả sử có sự thay đổi trong mối quan tâm rủi ro của nhà đầu tư và phần bù rủi ro thị trường tăng 1.5%. Tỷ suất sinh lợi mong muốn mới của công ty RIT là bao nhiêu?

- A. 13.52 %
- B. 14.52 %
- C. 15.52%
- D. 16.52 %

ANSWER: A

2. Cổ phiếu của Công ty MM có hệ số beta là 1.75, tỷ suất sinh lời mong muốn của cổ phiếu này là 16 % và lãi suất phi rủi ro là 5 %. Tỷ suất sinh lợi mong muốn của toàn thị trường chứng khoán là bao nhiêu? (Gợi ý: Đầu tiên hãy tìm phần bù rủi ro thị trường.)

- A. 11.29 %
- B. 10.53 %
- C. 11.5 %
- D. 12 %

ANSWER: A

3. Khi 2 tài sản tài chính có mức sinh lời như nhau, ta có xu hướng chọn tài sản có độ lệch chuẩn như nội dung nào bên dưới?

- A. Thấp hơn
- B. Cao hơn
- C. Không quan trọng
- D. Như nhau

ANSWER: A

4. Theo các nhà đầu tư, rủi ro riêng lẻ thường được hiểu là nội dung nào bên dưới?

- A. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ 1 tài sản
- B. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ nhiều tài sản
- C. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu
- D. Rủi ro khi nhà đầu tư nắm giữ cổ phiếu

ANSWER: A

5. Trong năm tới, phần bù rủi ro thị trường dự kiến sẽ giảm, trong khi lãi suất phi rủi ro dự kiến sẽ giữ nguyên. Với dự báo này, phát biểu nào sau đây là ĐÚNG?

- A. Tỷ suất sinh lời mong muốn sẽ giảm đối với tất cả các cổ phiếu, nhưng sẽ giảm nhiều hơn đối với các cổ phiếu có hệ số beta cao hơn.
- B. Tỷ suất sinh lời mong muốn cho tất cả các cổ phiếu sẽ giảm giống nhau.
- C. Tỷ suất sinh lời mong muốn sẽ giảm đối với tất cả các cổ phiếu, nhưng sẽ giảm ít hơn đối với các cổ phiếu có hệ số beta cao hơn.
- D. Tỷ suất sinh lời mong muốn sẽ tăng đối với các cổ phiếu có hệ số beta nhỏ hơn 1,0 và sẽ giảm đối với các cổ phiếu có hệ số beta lớn hơn 1,0.

ANSWER: A

6. Công ty FIN có kế hoạch phát hành cổ phiếu ưu đãi với cổ tức hàng năm vĩnh viễn là \$ 3.5 cho mỗi cổ phiếu. Nếu tỷ suất sinh lời mong muốn của cổ phiếu này hiện là 9%, thì giá trị thị trường của cổ phiếu phải là bao nhiêu?

- A. \$ 38.89
- B. \$ 32.34
- C. \$ 33.66
- D. \$ 34.55

ANSWER: A

7. Một cổ phiếu dự kiến sẽ trả cổ tức \$ 5 vào cuối năm. Tỷ suất sinh lợi mong muốn là 13% và tốc độ tăng trưởng không đổi dự kiến là 7%. Giá cổ phiếu hiện tại là bao nhiêu?

- A. \$ 83.33
- B. \$ 88.83
- C. \$ 80.00
- D. \$ 81.67

ANSWER: A

8. Nếu $D_0 = \$2$, g (không đổi) = 7% và $P_0 = \$30$, thì lợi suất cổ tức dự kiến của cổ phiếu trong năm tới là bao nhiêu?

- A. 7,13 %
- B. 6,23%
- C. 7,33 %
- D. 8 %

ANSWER: A

9. Khi công ty chấm dứt tồn tại, đối tượng có thứ tự ưu tiên cuối cùng được nhận lại phần vốn hoặc tài sản đã góp vào công ty là đối tượng nào bên dưới?

- A. Cổ đông thường
- B. Trái chủ
- C. Cổ đông ưu đãi
- D. Ngân hàng thương mại

ANSWER: A

10. Đặc quyền hợp pháp của cổ đông thường trong công ty là nội dung nào bên dưới?

- A. Biểu quyết và đại diện biểu quyết
- B. Hưởng lợi tức
- C. Câu A và B đều đúng
- D. Câu A và B đều sai

ANSWER: A

11. Cổ phiếu ưu đãi vĩnh viễn của Công ty SHAN được bán với giá \$70 đô la cho mỗi cổ phiếu và trả cổ tức hàng năm là \$6,50 đô la cho mỗi cổ phiếu. Nếu công ty phát hành cổ phiếu ưu đãi mới, công ty sẽ phải chịu chi phí phát hành cổ phiếu là 3% giá mà các nhà đầu tư phải trả. Chi phí cổ phiếu ưu đãi của công ty là bao nhiêu?

- A. 9.57 %
- B. 9.50 %
- C. 9.79 %
- D. 9.21 %

ANSWER: A

12. Công ty MU đã thuê bạn làm nhà tư vấn để giúp họ ước tính chi phí vốn. Bạn đã được cung cấp các dữ liệu sau: lãi suất phi rủi ro là 4.0%; phần bù rủi ro thị trường là 7.0%; hệ số beta là 1.1. Dựa trên mô hình CAPM, chi phí vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận giữ lại là bao nhiêu?

- A. 11.70 %
- B. 11.61 %
- C. 11.88 %
- D. 11.03 %

ANSWER: A

13. Giả sử rằng bạn là nhà tư vấn cho Công ty SAM và bạn đã được cung cấp các dữ liệu sau: $D_1 = \$3.00$; $P_0 = \$40$; and $g = 5\%$ (không đổi). Chi phí vốn chủ sở hữu từ lợi nhuận giữ lại dựa trên phương pháp DCF là bao nhiêu?

- A. 12.5 %
- B. 12.79 %
- C. 12.86 %
- D. 12.2 %

ANSWER: A

14. Khi tài trợ vốn cho dự án mới chúng ta có thể thực hiện bằng cách nào bên dưới?

- A. Câu A và B đều đúng
- B. Phát hành cổ phần mới
- C. Thu nhập giữ lại
- D. Câu A và B đều sai

ANSWER: A

15. Đối với một công ty có cấu trúc vốn mục tiêu là 50% nợ và 50% vốn cổ phần, nội dung sau đây là ĐÚNG?

- A. Chi phí để có vốn chủ sở hữu thường lớn hơn hoặc bằng chi phí để có nợ.
- B. Chi phí vốn bình quân gia quyền (WACC) vượt quá chi phí vốn chủ sở hữu.
- C. WACC được tính trên cơ sở trước thuế.
- D. Lãi suất được sử dụng để tính WACC là chi phí trung bình của tất cả các khoản nợ mà công ty đang có và được thể hiện trên bảng cân đối kế toán.

ANSWER: A

16. Doanh nghiệp TVB đang xem xét một dự án có dòng tiền và dữ liệu WACC sau đây. NPV của dự án là bao nhiêu? (Lưu ý rằng NPV dự kiến của một dự án có thể âm, trong trường hợp đó nó sẽ bị từ chối).

WACC = 11%

Year:	0	1	2	3	4
Cash flows:	-\$1,000	\$275	\$575	\$475	\$ 775

- A. \$ 572.263
- B. \$ 582.161
- C. \$ 596.383
- D. \$ 519.052

ANSWER: A

17. Doanh nghiệp TVB đang xem xét một dự án có dòng tiền và dữ liệu WACC sau đây. IRR của dự án là bao nhiêu?

WACC = 11%

Year:	0	1	2	3	4
Cash flows:	-\$1,000	\$275	\$575	\$475	\$ 775

- A. 32%
- B. 31%
- C. 30%
- D. 33%

ANSWER: A

18. Doanh nghiệp TVB đang xem xét một dự án có dòng tiền và dữ liệu WACC sau đây. Sau bao lâu thì dự án sẽ hoàn vốn (không chiết khấu)?

WACC = 12%

Year:	0	1	2	3	4
Cash flows:	-\$1,000	\$275	\$575	\$475	\$ 775

- A. 2.32 năm
- B. 2.43 năm
- C. 2 năm
- D. 3 năm

ANSWER: A

19. Giả sử dự án có dòng tiền bình thường với 1 dòng tiền ra (outflow) và sau đó là một chuỗi các dòng tiền vào (inflow) thì nội dung nào bên dưới là ĐÚNG ?

- A. Việc sử dụng WACC cao hơn để tính NPV sẽ làm giảm giá trị NPV
- B. NPV của dự án sẽ được tính bằng cách lãi kép các dòng tiền vào đến giá trị cuối cùng ở tương lai bằng WACC rồi chiết khấu toàn bộ giá trị này về giá trị hiện tại bằng IRR.
- C. Nếu NPV của dự án dương thì IRR của nó sẽ nhỏ hơn WACC
- D. Nếu NPV của dự án dương thì IRR của nó sẽ âm

ANSWER: A

20. Giả sử dự án có dòng tiền bình thường với 1 dòng tiền ra (outflow) và sau đó là một chuỗi các dòng tiền vào (inflow) thì nội dung nào bên dưới là ĐÚNG ?

- A. Nếu dự án có dòng tiền bình thường và có IRR cao hơn WACC thì NPV của dự án đó phải dương
- B. Việc tính toán IRR của dự án được hiểu là tất cả các dòng tiền được tái đầu tư ở WACC
- C. Nếu dự án A có IRR cao hơn dự án B thì dự án A cũng phải có NPV cao hơn dự án B
- D. Nếu dự án A có IR cao hơn dự án B thì dự án A phải có NPV thấp hơn dự án B

ANSWER: A

21. Bảng cân đối kế toán năm 2024 của Công ty THI cho thấy tổng vốn chủ sở hữu là \$ 1,250,000. Công ty có 60,000 cổ phiếu đang lưu hành và đang được bán với giá \$37.15/cổ phiếu. Giá trị thị trường và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của công ty chênh lệch bao nhiêu?

- A. \$16.31
- B. \$18.25
- C. \$15.50
- D. \$17.25

ANSWER: A

22. Bảng cân đối kế toán năm 2023 của Công ty PAN cho thấy tổng tài sản ngắn hạn là \$3,300,000. Các khoản nợ ngắn hạn bao gồm \$110,000 các khoản phải trả; \$400,000 nợ vay ngắn hạn phải trả cho ngân hàng có lãi suất 10%, và \$150,000 tiền lương và thuế phải trả. Vốn lưu động ròng (NOWC) được của công ty vào cuối năm 2023 là bao nhiêu?

- A. \$ 3,040,000
- B. \$ 3,600,000
- C. \$ 3,550,000
- D. \$ 2,640,000

ANSWER: A

23. Công ty SEN năm 2023 đã báo cáo doanh thu \$20,000 , \$4,000 chi phí hoạt động ngoài khấu hao và 5,500 đô la khấu hao tài sản cố định. Công ty không có chi phí khấu hao nào khác từ hoạt động kinh doanh trong năm 2024 . Công ty đã phát hành \$20,000 trái phiếu có lãi suất 10% và thuế thu nhập doanh nghiệp là 40%. Thu nhập hoạt động của công ty (EBIT) là bao nhiêu?

- A. \$ 10,500
- B. \$ 8,500
- C. \$ 5,100
- D. \$ 16,000

ANSWER: A

24. Nội dung nào bên dưới là ĐÚNG?

- A. Ở hầu hết các công ty, giá trị thị trường của cổ phiếu khác với giá trị sổ sách của cổ phiếu trong bảng cân đối kế toán.
- B. Bảng cân đối kế toán của một năm cụ thể được thực để giúp chúng ta biết tất cả các hoạt động đã xảy ra trong suốt một năm đó.
- C. Bảng cân đối kế toán của một năm cụ thể cung cấp cho chúng ta số liệu bao nhiêu tiền mà công ty đã kiếm được của năm đó.
- D. Sự khác biệt giữa tổng tài sản và tổng nợ được ghi trên bảng cân đối kế toán cho chúng ta biết giá trị thị trường của cổ phiếu công ty đó.

ANSWER: A

25. Khoản mục nào bên dưới được tìm thấy ở mục nợ ngắn hạn của bảng cân đối kế toán?

- A. Tiền lương tạm giữ
- B. Các khoản phải thu

- C. Chi phí khấu hao
- D. Giá vốn hàng bán

ANSWER: A

26. Doanh thu của công ty VAT năm ngoái là \$15,000 và tổng tài sản là \$10,400. Tỷ số vòng quay tổng tài sản (TATO) là bao nhiêu?

- A. 1.03
- B. 2.22
- C. 1.21
- D. 1.25

ANSWER: A

27. Doanh thu của Công ty NOE năm ngoái là \$350,000 và thu nhập ròng sau thuế là \$37,000. Biên lợi nhuận ròng của công ty là bao nhiêu?

- A. 10.6%
- B. 10.7%
- C. 10.9%
- D. 10%

ANSWER: A

28. Một nhà đầu tư đang xem xét việc bắt đầu một công việc kinh doanh mới. Công ty mới cần phải đầu tư tài sản có giá trị là \$410,000 và việc đầu tư này sẽ được tài trợ hoàn toàn bằng cổ phiếu phổ thông. Nhà đầu tư sẽ chỉ tiếp tục nếu cô ấy nghĩ rằng công ty có thể mang lại lợi nhuận 11% trên vốn chủ sở hữu, có nghĩa là công ty phải có ROE là 11%. Thu nhập ròng dự kiến phải là bao nhiêu để đảm bảo việc bắt đầu kinh doanh?

- A. \$ 45,100
- B. \$ 35,100
- C. \$ 45,100
- D. \$ 25,100

ANSWER: A

29. Nội dung nào bên dưới cho thấy tình hình tài chính của công ty được cải thiện tốt hơn với các thứ khác không thay đổi?

- A. Tỷ số biên lợi nhuận ròng tăng lên
- B. Cả tỷ số thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh giảm đi
- C. Tỷ số nợ tăng lên
- D. Cả tỷ số hàng tồn kho và tỷ số vòng quay tổng tài sản giảm đi

ANSWER: A

30. Nếu 2 công ty có giá trị tổng tài sản, doanh thu, chi phí hoạt động, lãi suất đi vay và thuế thu nhập giống nhau nhưng có mức độ sử dụng nợ khác nhau. Nội dung nào bên dưới là ĐÚNG ?

- A. Công ty có tỷ số nợ cao hơn (dùng nhiều nợ hơn) sẽ có biên lợi nhuận ròng thấp hơn.
- B. Công ty có tỷ số nợ cao hơn (dùng nhiều nợ hơn) sẽ có biên lợi nhuận ròng cao hơn.
- C. Việc sử dụng nợ không ảnh hưởng đến biên lợi nhuận ròng của công ty.
- D. Công ty có tỷ số nợ cao hơn (dùng nhiều nợ hơn) sẽ có tỷ số TIE thấp hơn.

ANSWER: A

PHÂN TỰ LUẬN (2.5 điểm)

Công ty PHAN có tốc độ tăng trưởng 12% trong 3 năm tới, 11% ở 02 năm tiếp theo, sau đó sẽ giảm xuống còn 8% cho đến vĩnh viễn. Cổ tức năm ngoái (D_0) là 1,5 đôla và tỷ suất lợi nhuận mong muốn là 14%.

- a. Giá trị cổ phiếu của công ty tại thời điểm năm thứ 5 bằng bao nhiêu? (1 điểm)
 - b. Giá trị cổ phiếu của công ty tại thời điểm năm thứ 2 bằng bao nhiêu? (0.5 điểm)
 - c. Tính tổng suất sinh lợi của cổ phiếu công ty ở năm thứ 3? (1 điểm)
-

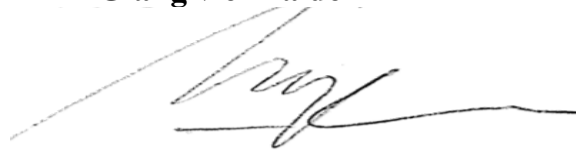
ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		7.5	
<i>Câu 1-30</i>	<i>ANSWER A</i>	<i>0.25 điểm/câu</i>	
II. Tự luận		2.5	
Nội dung a.	$D_1 = 1,5 \times 1,12 = 1.68 \$$ $D_2 = 1,68 \times 1,12 = 1.88 \$$ $D_3 = 1,88 \times 1,12 = 2.11 \$ (0,25 \text{ điểm})$ $D_4 = 2,11 \times 1,11 = 2.34 \$$ $D_5 = 2,34 \times 1,11 = 2.6 \$ (0.25 \text{ điểm})$ $D_6 = 2.6 \times 1.08 = 2.8 \$ (0.25 \text{ điểm})$ $\text{Giá cổ phiếu năm thứ 5: } P_5 = D_6 / (rs - g)$ $= 2.8 / 14\% - 8\% = 46.67 \$ (0.25 \text{ điểm})$	1	
Nội dung b.	<p>Năm thứ 2:</p> $P_2 = D_3 / (1+r) + D_4 / (1+r)^2 + (D_5 + P_5) / (1+r)^3 = 36.91 \$ (0,5 \text{ điểm})$	0.5	
Nội dung c.	<p>Năm thứ 3:</p> $P_3 = D_4 / (1+r) + (D_5 + P_5) / (1+r)^2 = 39.96 (0.25 \text{ điểm})$ $\text{Lợi suất cổ tức} = D_3 / P_2 = 5.72 \% (0.25 \text{ điểm})$ $\text{Lãi vốn} = (P_3 - P_2) / P_2 = 8.26\% (0.25 \text{ điểm})$ $\text{Tổng suất sinh lời} = \text{Lợi suất cổ tức} + \text{Lãi vốn} = 5.72\% + 8.26\% = 13.98\% (0.25 \text{ điểm})$	1	
	Điểm tổng	10.0	

TP. Hồ Chí Minh, ngày ...22.. tháng ...6.. năm 2024

Người duyệt đề

Giảng viên ra đề



Nguyễn Vũ Huy

Phan Duy Hiệp